

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG LIÊN KẾT VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

*Chuyên viên cao cấp, Tiến sĩ Lê Đức Viên,
Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng*

Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là một công cụ quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là động lực của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Vì vậy, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong liên kết vùng góp phần quan trọng trong việc phát huy tiềm năng, thế mạnh, đặc thù của từng địa phương và toàn vùng để phát triển.

Việc liên kết vùng tại các tỉnh miền Trung thời gian qua đã được Chính phủ, các Bộ, ngành của Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức và thực hiện trên nhiều lĩnh vực, nhất là trên mặt trận phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Các địa phương tại miền Trung tham gia thực hiện liên kết, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Trong đó, vai trò, sứ mệnh của khoa học và công nghệ (KH&CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) đã được khẳng định mạnh mẽ trong 6 nhiệm vụ và 3 đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra. Với vai trò khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, ngày 11/5/2022 Chính phủ ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

1. Liên kết vùng

Nghiên cứu phát triển vùng và liên kết vùng khá phát triển trong những năm 1950 của thế kỷ 20, nhưng đến năm 1954, khoa học nghiên cứu vùng mới được xem xét là lĩnh vực nghiên cứu chính thức, là một khoa học có hệ lý thuyết, các phương pháp và các công cụ tính toán. Trong những thập niên 1960 hệ lý thuyết về vùng bắt đầu phát triển mạnh. Hiệp hội Khoa học nghiên cứu vùng cũng ra đời vào thời gian đó.

Về phương diện lý thuyết, liên kết phát triển nội vùng và liên vùng dựa trên cơ sở phân công lao động với các lợi thế so sánh khác nhau là tiền đề để nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển vùng nói chung và đầu tư công nói riêng. Khi các chủ thể kinh tế cũng như các địa phương được thực thi các quyền hành trong khuôn khổ thể chế phân quyền, phi tập trung hóa với các lợi ích cụ thể sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn các liên kết đầu tư phát triển trên không gian các vùng.⁽¹⁾

Liên kết vùng “là phát triển mối quan hệ giữa không gian kinh tế với không gian tự nhiên, sinh thái, xã hội và không gian chính sách, thể chế để tạo ra lợi thế cạnh tranh động cho vùng, quốc gia, là cơ sở phát triển KH-XH bền vững”.⁽²⁾

“Liên kết vùng là thuật ngữ dành cho những khu vực tiếp giáp với nhau, có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau trong một lĩnh vực nào đó. Sự phân bổ và liên kết này giúp việc quản lý dễ dàng và thống nhất hơn. Nhờ đó mà các bộ phận trong liên kết vùng có thể dễ dàng hỗ trợ để đạt được mục tiêu chung hơn so với việc tập trung vào một cá thể duy nhất”.⁽³⁾

¹ TS. Nguyễn Văn Huân, Liên kết vùng từ lý luận đến thực tiễn

² <https://kinhtetrunguoc.vn>: “Cần giải đáp 9 câu hỏi về liên kết vùng”, 01/4/2016

³ <https://www.linkedin.com>: “Liên kết vùng là gì?”, 16/01/2017

“Liên kết kinh tế vùng thực chất là sự liên kết giữa các chủ thể kinh tế khác nhau trong một vùng, dựa trên lợi ích kinh tế là chính, nhằm phát huy lợi thế so sánh, tạo ra tính cạnh tranh kinh tế cao hơn cho một vùng. Các hình thức liên kết kinh tế vùng có thể trên các khía cạnh không gian kinh tế theo lãnh thổ, chuỗi ngành hàng, tổ chức sản xuất. Chủ trương, chính sách phát triển vùng, liên kết vùng không những tạo động lực phát triển kinh tế mà còn giúp các vùng khó khăn thực hiện tốt chức năng bảo tồn tài nguyên, sinh thái, ổn định an ninh, chính trị, xã hội”⁽⁴⁾.

2. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Để thúc đẩy sự phát triển chung của cả nước cũng như tạo môi liên kết và phối hợp trong phát triển KT-XH giữa các vùng kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã và đang cố gắng lựa chọn một số tỉnh/ thành phố để hình thành nên vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) quốc gia có khả năng đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của cả nước với tốc độ cao và bền vững, tạo điều kiện nâng cao mức sống của toàn dân và nhanh chóng đạt được sự công bằng xã hội trong cả nước.

Theo hướng đó, Thủ tướng Chính phủ đã lần lượt phê duyệt các Quyết định số 747/1997/QĐ-TTg, 1018/1997/QĐ-TTg và Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH ba vùng KTTĐ quốc gia đến năm 2010, bao gồm vùng KTTĐ Bắc bộ, miền Trung và KTTĐ phía Nam. Trong đó, Vùng KTTĐ miền Trung có 04 tỉnh gồm Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Ngày 13/8/2004, quy mô của vùng KTTĐ miền Trung được mở rộng thêm tỉnh Bình Định (Quyết định số 145, 146, 148/2004/QĐ-TTg).

Vùng KTTĐ miền trung, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Trị, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh KonTum và nước CHDCND Lào và phía Đông giáp biển Đông.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có lợi thế giao lưu kinh tế với các nước láng giềng bằng hệ thống đường bộ với các vùng Tây nguyên, Lào, Đông Bắc Campuchia, qua các hành lang Đông - Tây. Đây còn là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên, trong đó cảng Đà Nẵng là cảng chính ở miền Trung Việt Nam và là cảng lớn thứ 3 tại Việt Nam. Cảng Đà Nẵng hiện là một khâu quan trọng trong chuỗi dịch vụ logistics của khu vực miền Trung Việt Nam. Cảng Đà Nẵng cũng được chọn là điểm cuối cùng của tuyến hành lang kinh tế Đông Tây, nối liền 4 nước Myanmar, Thailand, Lào và Việt Nam, là cửa ngõ chính ra Biển Đông cho toàn khu vực.

3. Thực trạng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

a) Vai trò khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Thứ nhất, khoa học công nghệ thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, là công cụ hữu hiệu giúp chuyển nền kinh tế Việt Nam từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp. Phát triển các ngành công nghệ cao, sử dụng phần lớn các lao động tri thức.

- Thứ hai, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các ngành kinh tế được chia thành những ngành nhỏ với các lĩnh vực kinh tế mới. Điều này dẫn tới sự chuyển dịch kinh tế theo hướng hiện đại, tích cực, mở rộng các ngành công nghệ cao, lượng lao động có trình độ và tri thức ngày càng chiếm tỷ trọng cao hơn.

⁴ <http://khucongnghep.com.vn>: “Liên kết vùng: Giải pháp để phát triển bền vững các Khu công nghiệp duyên hải miền Trung”, 07/9/2016

- Thứ ba, thúc đẩy nâng cao chất lượng, sự cạnh tranh của hàng hóa. Áp dụng công nghệ hiện đại là yếu tố giúp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nguồn nguyên vật liệu sản xuất thêm đồng bộ, cải tiến, quy mô sản xuất cũng được mở rộng thêm.

- Thứ tư, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Hàng loạt thiết bị điện tử, sản phẩm công nghệ hiện đại lần lượt ra đời giúp cuộc sống hiện đại hơn. Các thiết bị điện tử hiện nay thay thế lao động con người, tiết kiệm nhân lực.

b) Một số kết quả đạt được

- Công tác quản lý nhà nước về KH&CN ngày càng được tăng cường trên tất cả các lĩnh vực, từ nghiên cứu khoa học, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, công nghệ, sở hữu trí tuệ, thông tin thống kê... đã góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong khu vực. Là vùng thể hiện khá rõ về sự phối hợp liên kết trong tổ chức các hoạt động KH&CN của vùng, nhất là liên kết, chia sẻ thông tin và phối hợp triển khai các nhiệm vụ KH&CN mang tính vùng.

- Vai trò chỉ đạo điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền được thể hiện rõ trong việc ban hành hệ thống các văn bản quản lý nhà nước về KH&CN, đặc biệt là các văn bản liên quan đến quy định quản lý, các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thúc đẩy ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST...

- Hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ được triển khai ngày càng bài bản, sát với yêu cầu ứng dụng, nhất là việc đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu, nâng cao chất lượng, chú trọng hơn vào tính ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế sau khi nghiệm thu. Việc quản lý nhiệm vụ KH&CN của các tỉnh tiếp tục đi vào nề nếp, hợp lý và khoa học hơn; công tác xét duyệt, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu, đăng ký kết quả được thực hiện đúng quy định, thu hút được đội ngũ chuyên gia của các viện, trường tại các tỉnh và trong vùng tích cực tư vấn giúp việc triển khai các nhiệm vụ có được cơ sở khoa học và phù hợp với thực tiễn.

- Hoạt động hỗ trợ về KH&CN được tiếp tục đẩy mạnh, nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy ĐMST...

- Các địa phương đều đã xác định được danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, đặc thù của tỉnh, vùng để đề ra chương trình phát triển.

c) Tồn tại, hạn chế

- Chưa có các nghiên cứu quy mô liên ngành, liên vùng để giải quyết các vấn đề lớn, trọng tâm. Cùng với đó các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thường tập trung chú trọng nghiên cứu các đề tài độc lập, ít có sự gắn kết, chưa chú trọng nghiên cứu theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- KH&CN chưa thực sự phát huy được vai trò động lực trong khai thác các thế mạnh của vùng và địa phương. Năng lực hấp thụ, làm chủ, ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong thực tiễn sản xuất và đời sống còn hạn chế. Mức độ đổi mới, chuyển giao công nghệ và tham gia vào chuỗi giá trị của doanh nghiệp nội địa thấp.

- Chất lượng nguồn nhân lực, kỹ năng người lao động, năng suất lao động ở nhiều tỉnh/thành miền Trung còn thấp, thiếu hụt cán bộ trình độ cao chủ trì các công trình nghiên cứu tầm quốc gia để giải quyết các vấn đề lớn của địa phương. Nguồn nhân lực KH&CN, nhất là nhân lực sau đại học không đồng đều. Đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ chuyên môn sâu còn thiếu.

- Quá trình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp chưa có sự bứt phá, thiếu nhiều yếu tố để thúc đẩy thực hiện đổi mới. Chưa có nhiều doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới công nghệ.

- Công tác tổ chức triển khai đánh giá đóng góp của KH&CN cho phát triển KT-XH của địa phương chưa được quan tâm nhiều, chưa có phương pháp thống nhất để xác định giá trị đóng góp.

- Nguồn kinh phí cho KH&CN đang rất thiếu so với nhu cầu, huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách còn rất thấp, chưa huy động được đáng kể nguồn vốn từ doanh nghiệp (trừ một số ít tỉnh, thành lớn). Quỹ phát triển KH&CN của các tỉnh, thành phố chưa thực sự phát huy được hiệu quả.

- Một số lĩnh vực quản lý nhà nước còn hạn chế như cơ chế xây dựng và chia sẻ dùng chung cơ sở dữ liệu thông tin, thống kê KH&CN, thẩm định dự án đầu tư trên địa bàn còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho phân tích, định hướng trong phát triển KT-XH; Khó khăn hiện nay là thiếu chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp, thông tin về các quỹ đầu tư, thông tin về tình hình thực hiện nghiên cứu ở các tỉnh, vùng khác.

d) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Từ góc độ tư duy nhận thức đã xuất hiện nhiều lực cản làm cho hoạt động liên kết vùng chậm được triển khai và triển khai thiếu hiệu quả.

- Các văn bản pháp lý về liên kết bắt buộc đối với Hội đồng vùng KTTĐ miền Trung còn chung chung và không có sự ràng buộc về trách nhiệm nên khó triển khai áp dụng.

- Nguồn lực tài chính dành cho các hoạt động liên kết vùng tự nguyện trong vùng còn rất hạn chế nên vẫn chỉ gói gọn trong một số lĩnh vực trong khi đó, các liên kết mang tính lâu dài, chiến lược hơn như phát triển mạng lưới khu công nghiệp, mạng lưới giao thông, thu hút và quản lý đầu tư nói chung, đặc biệt là đầu tư FDI, giải quyết vấn đề ô nhiễm... vẫn chưa được chú trọng.

- Chưa có nhiều sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các Viện, trường Trung ương và các tổ chức KH&CN tại địa phương trong các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, nhất là các sản phẩm có tiềm năng phát triển theo chuỗi giá trị ở quy mô lớn.

4. Một số đề xuất phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong liên kết vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

- Đổi mới tư duy hoạch định chính sách nói chung và chính sách phân bổ nguồn lực nói riêng cần được thực hiện từ Trung ương đến địa phương. Thứ nhất, nâng cao vai trò của chính quyền Trung ương trong thúc đẩy liên kết và quyết tâm chính trị mạnh mẽ hơn nữa trong việc xây dựng, giám sát việc thực hiện định hướng, chính sách, biện pháp nhằm tạo dựng sự đồng bộ, hợp lý về phân bố không gian, tổ chức mạng lưới cơ sở hạ tầng vùng (hạ tầng cứng và mềm). Thứ hai, cần đổi mới tư duy và nhận thức đối với các chính quyền địa phương về sự cần thiết dựa vào nhân tố khoa học -

công nghệ và nguồn vốn con người để đạt được các mục tiêu phát triển; cho phép thử nghiệm chính sách mới (Sandbox) nhằm thúc đẩy ứng dụng các sáng kiến, mô hình ĐMST và công nghệ mới; khuyến khích văn hóa ĐMST ở các địa phương. Thay đổi tư duy “nhiệm kỳ” và “cục bộ địa phương” trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của từng chính quyền địa phương về tầm quan trọng và lợi ích của liên kết vùng. Thứ ba, cần thay đổi tư duy của các chủ thể sản xuất kinh doanh (người dân, các doanh nghiệp, các hội sản xuất...) về liên kết thị trường và sự tham gia vào chuỗi giá trị.

- Xây dựng cơ chế hợp tác tăng cường liên kết hoạt động KH&CN của Vùng KTTĐ miền Trung trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng. Xây dựng bộ khung pháp lý làm nền tảng về liên kết vùng kinh tế. Nghiên cứu các chính sách hiện hành và đòi hỏi thực tiễn của địa phương, chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, thành phố xây dựng cơ chế, chính sách để huy động tối đa các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN, ĐMST.

- Mở rộng và thu hút nguồn tài chính cho các dự án liên kết vùng về KH&CN, ĐMST. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết về danh mục các dự án trọng điểm về KH&CN, ĐMST để làm căn cứ cho hoạt động kêu gọi thu hút nguồn vốn. Thu hút vốn thông qua hình thức hợp tác công tư. Hướng các nguồn tích lũy xã hội vào các hoạt động nghiên cứu sản xuất kinh doanh có lợi cho vùng, địa phương. Tiếp tục huy động tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Chú trọng phát triển, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và chất lượng nguồn nhân lực địa phương, bao gồm cả đội ngũ cán bộ khoa học và quản lý KH&CN, cán bộ kỹ thuật và quản trị công nghệ ở các doanh nghiệp và kỹ năng người lao động. Tăng cường phát triển các môn học về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM), ngoại ngữ, tin học trong chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn. Đổi mới đào tạo trong các trường dạy nghề ở địa phương theo hướng phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi nghề nghiệp có kỹ năng phù hợp, có thể tiếp thu, làm chủ và khai thác vận hành hiệu quả những tiến bộ công nghệ mới.

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động đổi mới và ứng dụng công nghệ. Tăng cường năng lực hấp thụ, khai thác, ứng dụng công nghệ và các tiến bộ KH&CN trong giải quyết các vấn đề của vùng và từng địa phương. Phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp ĐMST trong vùng: Về phía Nhà nước cần cải thiện tính minh bạch của môi trường kinh doanh nhằm giảm bớt và xoá bỏ các chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải gánh chịu... Về phía các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp ĐMST chủ động trong việc nâng cao trình độ phát triển, đổi mới công nghệ,...

- Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các địa phương của Vùng KTTĐ miền Trung trong chuỗi giá trị, khai thác tiềm năng và phát triển các sản phẩm đặc thù có thế mạnh của vùng. Lấy các đô thị lớn tạo thành hành lang công nghệ hoặc trung tâm công nghệ của vùng và cả nước; lan tỏa, hỗ trợ cho sự phát triển của các địa phương, địa bàn khó khăn. Cần xác định nhu cầu công nghệ của các địa phương. Ở cấp độ từng địa phương, phải nắm bắt được nhu cầu cung - cầu công nghệ.

- Thiết lập nền tảng số hoặc hành lang kỹ thuật số (e-Platform) giúp kết nối, tương tác giữa viện, trường, doanh nghiệp trong hệ thống ĐMST địa phương và vùng. Tăng cường vai trò của các sàn giao dịch công nghệ, kết nối với các trung tâm ứng

dụng tiến bộ KH&CN của địa phương, chia sẻ dữ liệu chung, kết nối thông tin nhu cầu cung - cầu công nghệ thông qua các sàn giao dịch, điểm kết nối cung, cầu công nghệ.

- Hình thành hệ thống ĐMST vùng với các liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa khu vực hàn lâm và khu vực công nghiệp (các viện nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp trong vùng). Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của địa phương và Vùng KTTĐ miền Trung để nuôi dưỡng, phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng cao. Dành nguồn ngân sách cần thiết kết hợp với các nguồn lực tư nhân và nước ngoài để hỗ trợ tài chính cho khởi nghiệp; quan tâm đầu tư hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Thành Đạt, Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, 2021, Báo điện tử Tạp chí Cộng sản
2. Nguyễn Văn Huân, Liên kết vùng từ lý luận đến thực tiễn
3. Thu Quỳnh, Liên kết vùng về khoa học và công nghệ, 2019, Báo điện tử nhân dân
4. Đình Tăng, Liên kết vùng góp phần phát huy lợi thế, tiềm năng của mỗi địa phương (dangcongsan.vn), 2021, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam
5. Nguyễn Quốc Toàn, Liên kết vùng trong phát triển kinh tế ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Luận án tiến sĩ kinh tế, 2020.
6. Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động khoa học và công nghệ các tỉnh, thành phố vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 2017-2019, định hướng hoạt động trong thời gian tới.
7. Liên kết vùng - Những vấn đề đặt ra đối với quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, 2017, Tạp chí tài chính online
8. Tổng quan về quá trình hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, 2021, Báo điện tử Chính phủ
9. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, 2012, Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thông tin tác giả:

Chuyên viên cao cấp, Tiến sĩ Lê Đức Viên

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ: Sở Khoa học và Công nghệ, tầng 22, Trung tâm hành chính, 24 Trần Phú, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0236.3830214

Địa chỉ email: vienld@danang.gov.vn